

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày: 16-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đình Đạo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Trọng Hà – Ông Vũ Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Vũ A (tên gọi khác: Mất to), sinh ngày: 06/5/1993, tại: Lâm Đồng;

Nơi cư trú: Thôn 3, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Trung V, sinh năm 1970 và bà Trần Thị N, sinh năm 1972; Vợ: Trần Thị Thùy L, sinh năm: 1991 (đã ly hôn); Con: có 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 09/02/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 02 năm tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/5/2021 và bị tạm giam từ ngày 07/6/2021. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. (Có mặt).

* *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1970, địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Trần T, sinh năm: 1991 (Vắng mặt).

2. Anh Vũ D, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

3. Anh Vũ Thanh B, sinh năm: 1995 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 1977 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp P, xã T1, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

5. Anh Phan Hoàng T2, sinh năm: 1995 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2019, Vũ A chấp hành xong án phạt tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Sau khi về địa phương A không có công việc làm ổn định, không có tiền tiêu xài nên đã nảy sinh ý định tìm những người thu mua sấu riêng trên địa bàn huyện Đ để tìm cách đe dọa với mục đích thu tiền bảo kê. Sau đó, A ra tiệm điện thoại di động của anh Hoàng Văn T3, trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ để mua 01 chiếc điện thoại di động Nokia loại phím bấm và 01 sim rác mạng Vinaphone số 0917.393.320 rồi đi tìm những người cắt sấu riêng ở xã K, huyện Đ. Lúc này, A giả vờ là người có sấu riêng muốn bán để xin số điện thoại của chủ thu mua sấu riêng tại huyện Đ. Sau đó, A đã gặp một người đàn ông cắt sấu riêng và xin được số điện thoại 0335.636.711 của bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, trú tại: Ấp 2, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi xin được số điện thoại của bà T, A đã dùng điện thoại và sim rác mới mua được gọi điện cho bà T nhiều lần để đe dọa bà T, yêu cầu bà T chung chi tiền bảo kê thu mua sấu riêng tính trên đầu giá 1000 đồng/01 kg sấu riêng nhưng bà T không đồng ý. Sau đó, A đe dọa sẽ phá công việc thu mua sấu riêng của bà T, không cho người của bà T cắt sấu riêng và không cho xe ô tô chở sấu riêng của bà T rời khỏi huyện Đ. A hứa hẹn với bà T nếu bà T chung chi tiền thu mua sấu riêng tính trên đầu giá 1000 đồng/01 kg thì A sẽ đảm bảo cho xe ô tô chở sấu riêng của bà T an toàn rời khỏi huyện Đ. Sau nhiều lần bị A đe dọa, bà T lo sợ công việc thu mua sấu riêng của mình bị phá nên đã đồng ý chung chi tiền cho A. Bà T hẹn A sẽ giao cho A số tiền 20.000.000 đồng tại cây xăng Q thuộc thôn L, xã K, huyện Đ vào trưa ngày 29/5/2021. Đến sáng ngày 29/5/2021, A tiếp tục gọi điện thoại cho bà T để yêu cầu bà T đưa tiền, sau khi bà T đồng ý chung chi tiền bảo kê sấu riêng và hẹn thời gian, địa điểm giao nhận tiền với A tại cây xăng Quỳnh Trang. Lúc này, A điều khiển xe máy, nhãn hiệu Sirius màu trắng-đen, biển kiểm soát 78H1-326.39 chở Trần T đi chơi. Sau đó, cả hai vào quán nước ở thôn M, xã K để ngồi uống nước chờ bà T từ huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai lên để giao tiền. Trong lúc ngồi uống nước thì A tiếp tục gọi điện để hỏi bà T đã đến Đ chưa. Khi bà T trả lời sắp đến Đ thì A tắt nguồn điện thoại Nokia có sim rác mạng Vinaphone rồi mang về nhà mẹ ruột là bà Trần Thị N, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn Đ để cất trong nhà bà N rồi chở Trần T quay lại cây xăng Q để nhận tiền của bà T. Khi đến nơi, Trần T ngồi trên xe máy, còn A đi ra xe ô tô 7 chỗ, biển kiểm soát 60A-283.06 để nhận tiền của bà T, khi A mới nhận được số tiền 15.000.000 đồng từ bà T thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang cùng tang vật đưa về làm việc. Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Vũ A đã thừa nhận hành vi cưỡng đoạt tài sản như đã nêu trên.

Bị hại là: bà Nguyễn Thị T bị Vũ A cưỡng đoạt số tiền 20.000.000 đồng

Tại bản cáo trạng số 41/CT-VKSĐT ngày 04/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Vũ A về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ A từ 24 (Hai mươi bốn) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ còn đề nghị xử lý về vật chứng và án phí theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bản thân.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội: Lời khai nhận của bị cáo Vũ A tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vũ A là đối tượng không có việc làm ổn định, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã nảy sinh ý định đe dọa người thu mua sầu riêng để thu tiền bảo kê. Để thực hiện hành vi trên, A đã mua 01 chiếc điện thoại di động và 01 sim rác, sau đó, A đi tìm và xin được số điện thoại của bà Nguyễn Thị T là người thu mua sầu riêng ở xã K, huyện Đ. Sau khi xin được số điện thoại, A đã nhiều lần gọi điện thoại đe dọa, yêu cầu bà T chung chi tiền bảo kê thu mua sầu riêng tính trên đầu giá 1000 đồng/01 kg sầu riêng. Nếu bà T không đồng ý sẽ phá công việc thu mua sầu riêng, không cho cất và không cho xe ô tô chở sầu riêng của bà T rời khỏi huyện Đ. Do lo sợ bị phá việc thu mua sầu riêng nên bà T đã đồng ý chung chi tiền và hẹn sẽ giao cho A số tiền 20.000.000 đồng tại cây xăng Q ở Thôn A, xã K, huyện Đ vào trưa ngày 29/5/2021. Đến khoảng 12 giờ 45 phút cùng ngày, bà T đưa cho A số tiền 15.000.000 đồng và tiếp tục đếm 5.000.000 đồng để đưa cho A thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi liên tiếp gọi điện thoại và uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản trái phép mà bị cáo đã cố ý thực hiện là hành vi vi phạm pháp luật, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và nếp sống văn minh tại địa phương. Ngoài ra, bị cáo có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo thực hiện, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt góp phần phòng ngừa tội phạm trong đời sống cộng đồng. Tuy nhiên khi lượng khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, vì: Mặc dù trong quá trình điều tra bị cáo chưa thành khẩn khai báo, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản bị cưỡng đoạt cũng đã được thu hồi toàn bộ để trả lại bị hại và tại phiên tòa hôm nay bị hại cũng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Ngoài ra, trong vụ án này khi bị cáo đến gặp và chiếm đoạt tiền của bà T và bị bắt quả tang vào ngày 29/5/2021 còn có anh Trần T đi cùng với bị cáo. Tuy nhiên, qua điều tra, xác minh, củng cố tài liệu chứng cứ, xác định anh Tuấn không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, việc bị cáo nảy sinh ý định thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo không bàn bạc với anh Tuấn mà chỉ thực hiện một mình. Bị cáo chỉ rủ anh Tuấn chỉ đi chơi cùng và anh Tuấn không biết bị cáo đi chiếm đoạt tiền của bà T. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý anh Tuấn về việc đồng phạm với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại bà Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận của bị hại là bà Nguyễn Thị T khi bị bắt quả tang. Xét thấy đây là tài sản hợp pháp của bà T cần trả lại cho bà T là phù hợp.

- Đối với số tiền 210.000 đồng thu giữ trong người của bị cáo khi bắt quả tang. Quá trình điều tra cũng như xét hỏi tại phiên tòa thấy rằng đây là số tiền của bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội, được hoàn trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên cần giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu sơn trắng-đen, biển kiểm soát 78H1 - 326.39 là phương tiện mà bị cáo sử dụng vào ngày 29/5/2021. Quá trình điều tra, xác minh chiếc xe mô tô trên là của anh Vũ Thanh B, sinh năm 1995, trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vào sáng 29/5/2021, bị cáo mượn xe mô tô của anh Bình nhưng không biết bị cáo mượn xe để đi đâu, làm gì. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã trả lại xe mô tô cho anh Bình nên Hội đồng xét xử không xem xét lại nữa.

- Đối với 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi Note 7, vỏ màu xanh tằm giữ trên người của Trần T. Quá trình điều tra xác định Trần T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại cho Trần T là phù hợp.

- Đối với điện thoại Iphone 8 Plus tạm giữ trên người bị cáo, qua làm việc bị cáo khai nhận chiếc điện thoại này mượn của bạn tên gọi là T3 nhà ở xã T4, huyện Đ. Tuy nhiên, bị cáo không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể của T3, không biết T3 bao nhiêu tuổi, nhà ở đâu và mật khẩu điện thoại bị cáo cũng không biết. Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại Iphone 8 Plus để điều tra, xác minh xử lý theo quy định là phù hợp.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo Vũ A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ A (tên gọi khác: Mất to) phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Vũ A 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 29 tháng 5 năm 2021.

2. Về vật chứng của vụ án:

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại số tiền 15.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T.

- Trả lại cho bị cáo số tiền 210.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ đảm bảo cho việc thi hành án.

(Số tiền trên đã được chuyển từ tài khoản tạm giữ của Công an huyện Đ tại Kho bạc nhà nước sang tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo Giấy ủy nhiệm chi ngày 19/11/2021.)

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ A phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, CA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Chuyển lưu Thi hành án;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Bùi Đình Đạo

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Trọng Hà – Vũ Thanh Hương

Bùi Đình Đạo

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. **Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa.** Trường hợp bị cáo là pháp nhân

thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

